

Bản án số: 106/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-08-2024
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt .

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Đình Hoà
- Ông Nguyễn Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 27/02/1995; Số CCCD: 046195010422; địa chỉ: Thôn T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn T, sinh ngày 09/7/1995; Số CCCD: 046095004467; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 29/5/2024 và trong bản tự khai ngày 19/6/2024 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2015 tại UBND thị trấn T, huyện P (nay là phường T, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau có thời gian hạnh phúc được khoảng 4 tháng thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã xúc phạm, anh T có hành vi bạo lực đánh đập chị L, vì vậy vợ

chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hiện nay chị **L** cũng không còn tình cảm với anh **T** nữa, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Nguyễn Anh Q**, sinh ngày 15/12/2014 hiện nay đang ở với chị **L**.

Trên cơ sở nguyện vọng của cháu **Q** là được ở với chị **L**, vì vậy chị **L** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Q** cho đến khi cháu **Q** đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **L** không yêu cầu anh **Trung cấp d** nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Anh **Nguyễn T**, sau khi Tòa án thụ lý và đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án theo quy định tại điều 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đồng thời trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh **T** đến Tòa án để giải quyết vụ án, cụ thể vào các ngày 10/6/2024, ngày 21/6/2024, ngày 05/7/2024 Tòa án đã tổng đạt các giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho mẹ ruột của anh **Nguyễn T** là bà **Nguyễn Thị D**, bà **D** đã giao và thông báo cho anh **T** về thời gian Tòa án triệu tập anh **T** đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia phiên hoà giải nhưng anh **T** cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 05/7/2024 bà **Nguyễn Thị D** cũng cho biết anh **Nguyễn T** là con ruột của bà, hai vợ chồng anh **T** sau khi kết hôn thì sống với bà được một thời gian, sau đó làm nhà riêng ngay cạnh nhà của bà, quá trình chung sống vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã và có vài lần đánh đập nhau, mặc dù vậy bà cũng không rõ nguyên nhân bắt nguồn từ đâu, bà đã nhiều lần khuyên can hai vợ chồng nhưng không được, đến khoảng giữa năm 2023 thì chị **L** bỏ nhà đem con về nhà bố mẹ đẻ của chị để sống, từ đó đến nay chị **L** cũng thỉnh thoảng có về thăm. Đối với anh **T** mặc dù bà đã giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và điện thoại báo cho anh **T** biết nội dung của thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải về thời gian Tòa án triệu tập, nhưng anh **T** vẫn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Trong quá trình chung sống thì anh **T** và chị **L** đã có một con chung là cháu **Nguyễn Anh Q**, sinh ngày 15/12/2014.

Ngày 05/7/2024 **Công an xã P** cung cấp xác nhận thông tin về cư trú của anh **Nguyễn Trung h** có đăng ký thường trú tại **thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền có ý kiến:

Đối với quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Anh Nguyễn T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng tại Tòa án. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp chính đáng của đương sự. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Trung . Trên cơ sở nguyện vọng của cháu Q là được ở với chị L, vì vậy giao cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 15/12/2014 hiện nay đang ở với chị L cho chị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí ly hôn chị L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy Ban Nhân Dân thị trấn T, huyện P (nay là phường T, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 20/8/2015, điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa chị L anh T là hợp pháp. Xác minh thông tin về cư trú của anh Nguyễn Trung h có đăng ký thường trú tại thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T để lấy lời khai và mở phiên hòa giải, công khai chứng cứ, mặc dù đã được thông báo cho anh T biết để đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị L, thấy rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm và đánh đập nhau. Chị L đã đưa con về sống với bố mẹ đẻ của chị tại phường T, thành phố H vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L cương quyết xin ly hôn. Phía anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh T không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Căn cứ

vào tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh T đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh T. Như ý kiến đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L xác nhận trong quá trình hôn nhân chị và anh T đã có một con chung là cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 15/12/2014. Hiện nay đang ở với chị L, cháu Q cũng có nguyện vọng được ở với chị L, vì vậy cần giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Q cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị L trình bày không yêu cầu anh Trung cấp dưỡng nuôi con chung

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng có một số tài sản chung và nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên đây mới chỉ là lời khai của một phía vì vậy nếu sau này có phát sinh sẽ giải quyết thành vụ kiện độc lập.

[6] Về án phí: Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Trung .

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 15/12/2014. Hiện nay đang ở với chị L cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị L** phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000875 ngày 06/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị **L** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND phường Thuận An (ĐKKH số 172, ngày 20/8/2015);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Đạt

